

KẾ HOẠCH

**Kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật
thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng năm 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày / /2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

A. KẾ HOẠCH KIỂM TRA VĂN BẢN

I. Mục đích, yêu cầu

- Nâng cao chất lượng xây dựng, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật.
- Bảo đảm tính toàn diện, khách quan, công khai, minh bạch; đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; kết hợp giữa việc kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền với việc tự kiểm tra của cơ quan, người ban hành văn bản; bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan.
- Kịp thời kiểm tra khi có căn cứ kiểm tra văn bản và kịp thời xử lý văn bản trái pháp luật.
- Không lợi dụng việc kiểm tra, xử lý văn bản vì mục đích vụ lợi, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và can thiệp vào quá trình xử lý văn bản trái pháp luật.

II. Hình thức và nội dung kiểm tra

- Hình thức kiểm tra gồm:
 - Tự kiểm tra;
 - Kiểm tra theo thẩm quyền.
- Nội dung kiểm tra văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, gồm:
 - Thẩm quyền ban hành văn bản;
 - Nội dung, hình thức của văn bản;
 - Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản;
 - Căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày;

đ) Tuân thủ quy định của pháp luật về xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước trong văn bản có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

III. Trách nhiệm kiểm tra

1. Tự kiểm tra văn bản

a) Văn bản thuộc đối tượng tự kiểm tra:

- Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì soạn thảo, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc liên tịch ban hành; văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành hoặc liên tịch ban hành;

- Văn bản có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật (bao gồm văn bản của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành và văn bản của đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ ban hành theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ);

- Văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

b) Các trường hợp thực hiện việc tự kiểm tra:

- Văn bản quy phạm pháp luật nêu tại điểm a mục này mới được ban hành;

- Khi nhận được kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về các văn bản nêu tại điểm a mục này có dấu hiệu trái pháp luật;

- Theo yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền về việc kiểm tra các văn bản nêu tại điểm a mục này;

- Phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật đối với các văn bản nêu tại điểm a mục này.

c) Trách nhiệm thực hiện tự kiểm tra:

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản

Trường hợp cần thiết thì tổ chức họp trao đổi, thảo luận hoặc lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, chuyên gia về văn bản tự kiểm tra.

- Đơn vị đầu mối tổng hợp, theo dõi kết quả tự kiểm tra: Vụ Pháp chế

- Thời gian thực hiện: 45 ngày kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật được ký ban hành hoặc kể từ ngày nhận được kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc kể từ ngày phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

Riêng đối với văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành mà được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn hoặc trong trường hợp đặc biệt thì thời gian tự kiểm tra văn bản là 05 ngày làm việc.

d) Trách nhiệm báo cáo, tổng hợp kết quả tự kiểm tra:

Đơn vị chủ trì thực hiện việc tự kiểm tra văn bản có trách nhiệm gửi kết quả tự kiểm tra văn bản về Vụ Pháp chế để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ; chủ trì xây dựng văn bản thông báo về kết quả tự kiểm tra gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân đã kiến nghị, phản ánh hoặc báo cáo cơ quan, người đã ban hành văn bản và cơ quan, người có thẩm quyền đã yêu cầu, chỉ đạo kiểm tra văn bản.

2. Kiểm tra theo thẩm quyền

a) Văn bản thuộc đối tượng kiểm tra theo thẩm quyền:

- Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ khác ban hành có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Văn bản quy phạm pháp luật do chính quyền địa phương cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt ban hành có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

b) Các trường hợp thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền:

- Các văn bản nêu tại điểm a mục này được gửi tới Bộ Xây dựng;
- Khi nhận được kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về các văn bản nêu tại điểm a mục này có dấu hiệu trái pháp luật;
- Theo yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền về việc kiểm tra các văn bản nêu tại điểm a mục này;
- Khi phát hiện các văn bản nêu tại điểm a mục này có dấu hiệu trái pháp luật.

c) Trách nhiệm kiểm tra theo thẩm quyền:

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Vụ Pháp chế

Trường hợp cần thiết thì tổ chức họp trao đổi, thảo luận hoặc lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, chuyên gia về văn bản được kiểm tra.

- Đơn vị phối hợp: Các Cục, Vụ, Viện, Văn phòng Bộ, Trung tâm công nghệ thông tin và các đơn vị khác có liên quan

- Thời gian thực hiện: 45 ngày kể từ ngày văn bản gửi đến Vụ Pháp chế hoặc kể từ ngày nhận được kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc kể từ ngày phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

d) Trách nhiệm báo cáo, tổng hợp kết quả kiểm tra theo thẩm quyền:

Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ kết quả kiểm tra văn bản theo thẩm quyền và kiến nghị xử lý theo quy định đối với văn bản trái pháp luật; chủ trì xây dựng thông báo về kết quả kiểm tra gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân đã kiến nghị, phản ánh hoặc báo cáo cơ quan, người đã ban hành văn bản và cơ quan, người có thẩm quyền đã yêu cầu, chỉ đạo kiểm tra văn bản.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ

a) Đối với đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản:

- Thực hiện việc tự kiểm tra văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị mình theo quy định tại mục 1 Phần III Kế hoạch này; đảm bảo đúng tiến độ, tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về công tác kiểm tra văn bản.

- Phối hợp với Vụ Pháp chế thực hiện việc kiểm tra theo thẩm quyền đối với các văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị mình quy định tại mục 2 Phần III Kế hoạch này.

- Báo cáo kết quả tự kiểm tra văn bản năm 2025 của đơn vị mình và gửi về Vụ Pháp chế trước ngày 12/12/2025.

b) Vụ Pháp chế:

- Chủ trì, phối hợp với các Cục, Vụ, Viện, Văn phòng Bộ, Trung tâm Công nghệ thông tin và các đơn vị khác có liên quan thực hiện việc kiểm tra theo thẩm quyền đối với các văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng quy định tại mục 2 Phần III Kế hoạch này; đảm bảo đúng tiến độ, tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về công tác kiểm tra văn bản.

- Đầu mối, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ tổng hợp kết quả tự kiểm tra văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng quy định tại mục 1 Phần III Kế hoạch này.

- Theo dõi, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Tổng hợp kết quả kiểm tra văn bản (bao gồm tự kiểm tra và kiểm tra theo thẩm quyền) báo cáo Bộ trưởng và Bộ Tư pháp theo quy định.

c) Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ:

Tổng hợp dự toán ngân sách chi cho hoạt động kiểm tra văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật và bảo đảm bố trí kinh phí hoạt động cho công tác này.

2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách nhà nước cấp hàng năm và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

B. KẾ HOẠCH RÀ SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

I. Mục đích, yêu cầu

1. Việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật nhằm phát hiện quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội để kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ngưng hiệu lực hoặc ban hành văn bản mới, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

2. Kết quả rà soát văn bản được sử dụng trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

3. Hoạt động rà soát văn bản phải được tiến hành thường xuyên, ngay khi có căn cứ rà soát văn bản; kết quả rà soát văn bản phải được kịp thời nghiên cứu, xử lý.

4. Việc rà soát văn bản phải tuân thủ theo nội dung, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 64 Luật Ban hành quy phạm pháp luật 2025 và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật và bảo đảm thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước đối với việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

II. Nhiệm vụ rà soát

1. Văn bản thuộc đối tượng rà soát:

a) Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành hoặc liên tịch ban hành;

b) Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng chủ trì soạn thảo, trình cấp có thẩm quyền ban hành;

c) Văn bản quy phạm pháp luật khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có nội dung điều chỉnh vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

2. Các trường hợp thực hiện rà soát:

a) Rà soát ngay khi có căn cứ rà soát văn bản theo quy định tại Điều 37, Điều 39, Điều 40 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ.

b) Rà soát khi nhận được kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

3. Trách nhiệm thực hiện rà soát:

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản
- Đơn vị đầu mối, phối hợp: Vụ Pháp chế
- Thời gian thực hiện: Năm 2025

4. Trách nhiệm báo cáo, tổng hợp kết quả rà soát:

Đơn vị chủ trì thực hiện rà soát, lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị mình có thời điểm hết hiệu lực, thời điểm bắt đầu ngưng hiệu lực trong 01 năm tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12, bao gồm cả các văn bản đã được cơ quan có thẩm quyền công bố hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 57 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025; gửi kết quả rà soát về Vụ Pháp chế để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ.

III. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ

a) Đối với đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản:

- Thực hiện việc rà soát văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị mình theo quy định tại mục 1 Phần II Kế hoạch này; đảm bảo đúng tiến độ, tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về công tác rà soát văn bản.

- Đối với trường hợp rà soát theo nội dung nêu tại điểm b mục 2 Phần II Kế hoạch này, các đơn vị nhận được kiến nghị có trách nhiệm xem xét để thực hiện rà soát văn bản hoặc chuyển kiến nghị đến cơ quan có trách nhiệm rà soát văn bản, đồng thời thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã kiến nghị rà soát văn bản về việc đã tiếp nhận kiến nghị hoặc đã chuyển kiến nghị theo quy định của pháp luật.

- Lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Xây dựng và báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 của đơn vị mình, gửi về Vụ Pháp chế trước ngày 12/12/2025.

b) Vụ Pháp chế:

- Đầu mối, phối hợp công tác rà soát, có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị thực hiện rà soát văn bản.

- Tổng hợp danh mục văn bản của các đơn vị chủ trì thực hiện việc rà soát văn bản gửi; trình Bộ trưởng ban hành Quyết định công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Xây dựng trước ngày 31/01/2026; đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định.

- Tổng hợp kết quả thực hiện công tác rà soát văn bản báo cáo Bộ trưởng và Bộ Tư pháp theo quy định.

c) Vụ Kế hoạch – Tài chính, Văn phòng Bộ:

Tổng hợp dự toán ngân sách chi cho hoạt động rà soát văn bản quy phạm pháp luật gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật và bảo đảm bố trí kinh phí hoạt động cho công tác này.

2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách nhà nước cấp hàng năm và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.